TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A LƯỚI** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2017/HSST
Ngày: 10-8-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hồ Văn Nhàn.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Toàn.

2. Bà Đàm Thị Hoa.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Hiếu, Thư ký Toà án nhân dân huyện A Lưới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Tường, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2017/HSST ngày 04 tháng 7 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2017/HSST-QĐ ngày 28 tháng 7 năm 2017 đối với:

- Bị cáo: Hồ Văn Nam D (tên gọi khác: cu C); giới tính: Nam; sinh ngày: 01-01-1999 (đến ngày phạm tội thì bị cáo 17 tuổi 09 tháng 21 ngày); nơi sinh: Xã Hồng B, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn Lê N, xã Hồng B, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Pa Kô; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N (Hồ Văn N), sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn Nam D: Ông Nguyễn Văn C – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- Người bị hại: Anh Lê Văn T, sinh ngày 16-5-1999; trú tại: Thôn A Đeeng P 1, xã Bắc S, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Lê Quang A và bà Hồ Thị N; cùng trú tại: Thôn A Đeeng P 1, xã Bắc S, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

2. Ông Lê Văn N (Hồ Văn N), sinh năm 1974; trú tại: Thôn Lê N, xã Hồng B, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

3. Anh Lê MT, sinh năm 1997; trú tại: Thôn A Đeeng P 2, xã Bắc S, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

4. Cháu Trần Đình SL, sinh ngày 30-3-2002; có người đại diện hợp pháp là: Ông Trần Văn X; cùng trú tại: Thôn Lê N, xã Hồng B, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

5. Ông Hồ Văn B, sinh năm 1979; trú tại: Thôn A Đeeng P 1, xã Bắc S, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Trần Văn H, sinh ngày 11-11-1999; có người đại diện hợp pháp là: Bà Lê Thị N (mẹ đẻ của H); trú tại: Thôn Lê N, xã Hồng B, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

2. Cháu Hồ PT, sinh ngày 07-7-2001; có người đại diện hợp pháp là: Ông Hồ Văn B (cha đẻ của PT); cùng trú tại: Thôn A Đeeng P 1, xã Bắc S, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

3. Cháu Nguyễn Văn Quốc Tr, sinh ngày 25-02-2002; có người đại diện hợp pháp là: Ông Nguyễn Văn H (cha đẻ của Tr); cùng trú tại: Thôn Lê N, xã Hồng B, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

4. Cháu Trần Văn L, sinh ngày 09-11-2001; có người đại diện hợp pháp là: A Liêng Thị V (mẹ đẻ của L); cùng trú tại: Thôn Lê N, xã Hồng B, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

5. Cháu Hồ Trung N, sinh ngày 31-5-2000; có người đại diện hợp pháp là: Ông Hồ Xuân P (cha đẻ của N); cùng trú tại: Thôn Lê N, xã Hồng B, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

6. Cháu Hồ AT, sinh ngày 30-4-2000; có người đại diện hợp pháp là: Bà Trịnh Thị T (mẹ đẻ của AT); cùng trú tại: Thôn A Đeeng P 2, xã Bắc S, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Hồ Văn Nam D (tên gọi khác: Cu C) bị Viện kiểm sát nhân dân dân huyện A Lưới truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 18h00 phút, ngày 22-10-2016, Hồ Văn Nam D cùng Trần Văn H, Nguyễn Văn Quốc Tr, Hồ Trung N, Trần Văn L, Trần Đình SL đến nhà Hồ PT chơi. Sau đó, cả bảy người cùng đến nhà anh Hồ Văn Ka R (sinh năm 1999, trú tại thôn A Đeeng P 1, xã Bắc S, huyện A) uống rượu.

Đến khoảng 21h00 phút cùng ngày, PT cùng N, H đi đến trước cổng trường Mầm non Bắc S chơi; còn D cùng với L, Tr, SL đứng chơi ở đường bê tông giao với đường Hồ Chí M thuộc thôn A Đeeng P 1, xã Bắc S. Trong lúc đang đứng chơi ở trước cổng Trường mầm non Bắc S, PT, H, N gặp Lê Văn T. T hỏi PT: "Mi có ưa đập không", PT vừa trả lời: "Không" thì T cầm cổ áo và đánh PT. Thấy PT bị đánh, H và N cùng xông vào đánh lại T bằng tay nhưng không gây ra hậu quả gì. T bỏ chạy ra đường Hồ Chí M thì gặp Hồ AT, T nhờ AT chở mình về nhà. Một lúc sau, PT cùng N, H đi bộ đến đường bê tông giao nhau với đường Hồ Chí M thuộc thôn A Đeeng P 1, xã Bắc S đứng chơi cùng với D, L, SL, Tr.

Khi Hồ AT chở Tiến chạy về đến cầu Taleng thuộc địa phận xã Bắc S thì gặp Lê MT. T kể với MT về việc mình bị đánh và rủ MT cùng mình quay trở lại để đánh nhóm bạn của PT và được Lê MT đồng ý. Sau đó, Hồ AT chở T và Lê MT quay trở lại nơi D, N, H, PT, L, SL, Tr đứng chơi. Lê MT và T xuống xe, còn Hồ AT chạy xe đi chơi chỗ khác. T chỉ vào D rồi nói với Lê MT "Thằng ni đánh em" nên MT đã cầm 01 (một) cục đá đến chỗ D đứng và dùng tay phải đấm vào đầu D theo hướng từ phải sang trái. T cũng đánh vào đầu D. D nhìn về hướng Trần Đình SL đứng và nói SL chạy đi lấy dao. Trong lúc SL đi lấy dao thì D tiếp tục bị MT và T đánh. SL chạy vào nhà anh Hồ Văn Ka R (cách vị trí D, MT và T đánh nhau khoảng 05m – 07m) lấy một con dao của ông Hồ Văn B mà trước đó Hồ PT mang từ nhà sang để làm mồi nhậu, chạy ra đưa cho D. Khi được SL đưa dao, D cầm dao bằng tay phải chém một nhát vào tay phải của MT, MT quay người lại thì D chém thêm 01 nhát trúng vào lưng. Tiếp đó, D chém thêm 01 nhát theo hướng từ trên xuống trúng vào tay của T. T và MT bỏ chạy; D cùng N, H, PT, L,S L, Tr đi lấy xe máy chạy về nhà. Trong lúc D, T, MT đánh nhau, thì những người khác gồm N, H, PT, L, Lại, Tr chỉ đứng phía sau nhìn, không có hành động, lời nói gì.

Ngày 15 tháng 11 năm 2016, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A Lưới có Quyết định trưng cầu giám định số 147 và số 148 về việc giám định tỷ lệ thương tích đối với anh Lê Văn T và anh Lê MT.

Ngày 07 tháng 02 năm 2017, anh Lê MT có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự và đề nghị xử lý hình sự đối với Hồ Văn Nam D. Tuy nhiên, đến ngày 26 tháng 5 năm 2017, Lê MT có đơn rút toàn bộ yêu cầu này.

Tại bản kết luận số 382-16/TgT ngày 20/11/2016 và kết luận số 381- 16/TgT ngày 22/11/2016 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận như sau:

Đối với Lê MT, dấu hiệu chính qua giám định: Đa vết thương phần mềm ngón IV tay phải và lưng trái đã điều trị ổn định. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 4% (bốn phần trăm). Vật gây: Vật sắc.

Đối với Lê Văn T, dấu hiệu chính qua giám định: Chấn thương gãy đầu dưới xương trụ trái, đứt động mạch. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 12% (Mười hai phần trăm). Vật gây: Vật sắc.

Vật chứng đã thu giữ: 01 con dao có phần cán dao bằng kim loại hình tròn, dài 15cm, phần lưỡi dao bằng kim loại, rộng 05cm, dài 35cm.

Tại bản cáo trạng số: 04/QĐ/KSĐT ngày 03-7-2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện A Lưới truy tố Hồ Văn Nam D về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 104; các điểm b, đ, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, 47, 69, 74 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo từ 6 đến 9 tháng tù, là có căn cứ. Về dân sự thì đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường, không có yêu cầu gì khác nên không xem xét. Về vật chứng tịch thu tiêu hủy 01 con dao là công cụ phạm tội.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định. Về dân sự bị cáo trình bày đã thỏa thuận, bồi thường cho người bị hại Lê Văn T với số tiền là 5.000.000 đồng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê MT với số tiền là 800.000 đồng.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo đồng ý về tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và điều luật Viện kiểm sát đề nghị áp dụng là điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 104, các điểm b, đ, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, 47, 68, 69,74 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổng sung năm 2009, đề nghị xử phạt bị cáo từ 4 đến 6 tháng tù.

Người bị hại Lê Văn T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê MT trình bày đã thỏa thuận với bị cáo và T đã nhận đủ số tiền bồi thường 5.000.000 đồng, MT đã nhận đủ số tiền là 800.000 đồng, không yêu cầu gì thêm; đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đến vụ án không có yêu cầu gì thêm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, bị cáo Hồ Văn Nam D khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố, Hội đồng xét xử thấy:

Khoảng 21 giờ 00 phút, ngày 22-10-2016 tại đường bê tông liên thôn A Đeeng P 1, xã Bắc S, huyện A, do bực tức vì vô cớ bị Lê MT và Lê Văn T dùng đá đánh vào đầu và tai, Hồ Văn Nam D dùng dao chém vào tay phải và lưng của Lê MT gây thương tích 4%, rồi chém vào tay của Lê Văn T gây thương tích là 12%.

Xét bị cáo dùng dao chém vào vùng tay và lưng của Lê MT và vùng tay của Lê Văn T với mục đích chỉ để gây thương tích, không có ý thức tước đoạt tính mạng; hậu quả là T và MT bị thương tích. Do Lê MT đã có đơn rút yêu cầu khởi tố trước khi bị truy tố, qua xem xét tại phiên tòa thì việc rút yêu cầu này MT hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét hành vi phạm tội của bị cáo đối với MT.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, xâm phạm đến sức khỏe của Lê Văn T.

Xét bị cáo dùng dao là "Sử dụng hung khí nguy hiểm". Bị cáo dùng dao chém gây thương tích cho T có nguyên nhân xuất phát từ việc T, MT có hành động dùng đá và tay đánh bị cáo là có lỗi, gây bức xúc cho bị cáo, không phải là nguyên cớ do bị cáo gây ra. Ngay khi hành động của T, MT đang tiếp diễn thì bị cáo đã chém T nên trạng thái của bị cáo lúc đó là bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại gây ra.

Như vậy, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Hồ Văn Nam D phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, có căn cứ đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo Hồ Văn Nam D khi đang bị Lê Văn T, Lê MT đánh thì bị cáo có quyền chọn cách thức xử lý phù hợp với pháp luật, với quy tắc cuộc sống nhưng với bản tính của tuổi trẻ còn bồng bột, thiếu kiềm chế, bị cáo đã nhờ người khác đi lấy dao và chém lại T, MT. Khi T, MT bỏ chạy bị cáo mới dừng lại. Thời gian thực hiện vào ban đêm nhưng lúc đó vẫn có nhiều người đứng xung quanh, bị cáo không nhờ người khác can ngăn mà chọn lựa việc dùng dao chém để đáp trả, điều này thể hiện thái độ coi thường pháp luật, gây ảnh hưởng đến trật tự xã hội, làm cho nhân dân lo lắng, bất bình nên cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ: Việc T đánh bị cáo là hành vi trái pháp luật, gây kích động cho bị cáo nên bị cáo phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động do hành vi trái pháp luật của người bị hại; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường thiệt hại nhằm khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại số tiền 5.000.000 đồng cho bị hại Lê Văn T, nên được

áp dụng những tình tiết giảm nhẹ theo các điểm b, đ, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Người bị hại cũng có phần lỗi, tại phiên tòa đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên xem xét là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung 2009. Qua tài liệu có trong hồ sơ thể hiện ông Cu R là liệt sĩ, bà Căn P được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba; qua xác minh, thẩm tra tại phiên tòa thì bị cáo khai ông Cu R là ông nội, bà Căn P là bà nội. Xét mối quan hệ này không phải là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ nên căn cứ vào khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2016 của Quốc Hội, không áp dụng theo hướng có lợi cho người phạm tội là tính tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử lý nghiêm khắc bị cáo theo Bộ luật hình sự và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, nhằm để răn đe, giáo dục riêng và phong ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét đến trường hợp bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự và có một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tặng nặng quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự, nên cần áp dụng thêm Điều 47 Bộ luật hình sự để chuyển sang quyết định khung hình phạt liền kề nhẹ hơn mà điều luật đã quy định từ khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự chuyển sang quyết định hình phạt khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, là có căn cứ, đúng pháp luật..

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và các Điều 584, 585, 586 và 590 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thấy trước khi mở phiên tòa, giữa bị cáo, cha mẹ của bị cáo với người bị hại đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho Lê Văn T với số tiền 5.000.000 đồng và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê MT với số tiền là 800.000đồng, đã giao nhận đủ, không yêu cầu gì thêm nên ghi nhận.

Tại phiên tòa, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần, mất thu nhập, nên Hội đồng xét xử không xem xét đề cập.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 con dao có phần cán dao bằng kim loại hình tròn, dài 15cm, phần lưỡi dao bằng kim loại, rộng 05cm, dài 35cm là công cụ phạm tội nên theo Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Cần căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Hồ Văn Nam D (tên gọi khác: cu C) phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 104, điểm b, đ, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, 47, 68, 69, 74 và Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Hồ Văn Nam D (Cu C) 6 (sáu) tháng tù, tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và các Điều 584, 585, 586 và 590 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Ghi nhận thỏa thuận giữa bị cáo và người bị hại Lê Văn T bồi thường với số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và hỗ trợ bồi thường cho Lê MT số tiền là 800.000đ đã giao nhận đủ.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao có phần cán dao bằng kim loại hình tròn, dài 15cm, phần lưỡi dao bằng kim loại, rộng 05cm, dài 35cm.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Hồ Văn Nam D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người đại diện hợp

pháp của họ có quyền kháng cáo phần bản án sơ thẩm có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh TT-Huế;
- Sở Tư pháp TT- Huế;
- VKSND huyện A Lưới;
- CA huyện A Lưới;
- CCTHADS huyện A;
- Bị cáo, NBC, người bị hại;
- Lưu: HSVA, THAHS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hồ Văn Nhàn